

Số: 04/2024/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 83/TTr-SKHHCN ngày 11 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, KH&CN;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

QUY ĐỊNH

Lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 22/01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình KH&CN theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn được áp dụng quy định tại Quy định này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

3. Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo Quy định này.

4. Những nội dung liên quan không quy định tại Quy định này thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Thông tư số 02/2023/TT-BKH&CN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKH&CN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung

chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 4. Định mức lập dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là 32 triệu đồng/người/tháng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là 25,6 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): thực hiện theo quy định tại mục b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 5. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

1. Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (HCD)	
		Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,8	0,64
2	Thư ký khoa học	0,24	0,19
3	Thành viên chính	0,64	0,51
4	Thành viên	0,32	0,26
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,16	0,13

2. Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

Điều 6. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

2. Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN được tính theo công thức sau:

$$\text{TLCN} = \text{HCD} \times \text{DMCN} \times 20\% \times \text{T}$$

Trong đó:

HCD: Hệ số lao động khoa học của chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này;

TLCN: Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

DMCN: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

3. Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN được tính theo công thức sau:

$$\text{TLTK} = \text{HCD} \times \text{DMCN} \times 20\% \times \text{T}$$

Trong đó:

HCD: Hệ số lao động khoa học của chức danh thư ký khoa học được quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này;

TLTK: Thù lao của thư ký khoa học;

DMCN. Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

4. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh được tính theo công thức sau:

$$\text{TLNCD} = \text{HCD} \times \text{DMCN} \times \Sigma t_{\text{NCD}}$$

Trong đó:

HCD: Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này;

TLNCD: Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

DMCN: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này;

Σt_{NCD} : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

5. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$\text{TLNCD} = \text{HCD} \times \text{DMCN} \times (\Sigma t_n / 22)$$

Trong đó:

HCD: Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này;

TLNCD: Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

DMCN: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định

tại khoản 1 Điều 4 Quy định này;

Σt_n : Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ($t_n < 22$).

6. Việc lập dự toán chi thù lao cho các chức danh và nhóm chức danh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này

Điều 7. Dự toán thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ

1. Thuê chuyên gia trong nước: trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại điều 4 Quy định này.

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điều 4 Quy định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. Thuê chuyên gia nước ngoài: thực hiện theo mục b khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Các trường hợp được thuê chuyên gia phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ thực hiện thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKH&CN.

4. Việc xác định các trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia vượt mức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ KH&CN.

Điều 8. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

2. Các trường hợp phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ KH&CN.

Điều 9. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định

Thực hiện theo khoản 3 Điều 4 của Thông tư 03/2023/TT-BTC.

Điều 10. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra, Quy định này quy định định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

DVT: 1000 đ

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định mức chi	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Người/ buổi	1.600	1.280
2	Thư ký	Người/ buổi	400	300
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.400	1.920
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng (không trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học)	Báo cáo	1.200	960
5	Thành viên tham gia hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/ buổi	240	190

Điều 11. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Điều 12. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có)

DVT: 1000 đ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi họp hội đồng	Nhiệm vụ		
	- Chủ tịch hội đồng		720	580
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600	480
	- Thư ký khoa học		120	100
	- Thư ký hành chính		120	100
	- Đại biểu được mời tham dự		80	60
2	Chi nhận xét đánh giá	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		280	220
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		400	320

Điều 13. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN để đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng.

Điều 14. Dự toán các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có)

Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 15. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

1. Chi thù lao

ĐVT: 1000 đ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
1.1	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	- Chủ tịch hội đồng		1.200	960
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	640
	- Thư ký khoa học		240	190
	- Thư ký hành chính		240	190
	- Đại biểu được mời tham dự		160	130
1.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	320
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	450
1.3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		560	450
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400	320

2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
2.1	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.440	1150
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.200	960
	Thư ký khoa học		240	190
	Thư ký hành chính		240	190
	Đại biểu được mời tham dự		160	130
2.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	450
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	640
3	Chi thâm định kinh phí của nhiệm vụ KH&CN			
	Tổ trưởng tổ thâm định	Nhiệm vụ	800	640
	Thành viên tổ thâm định	Nhiệm vụ	560	450
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240	190
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160	130
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
4.1	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.440	1150

	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.200	960
	Thư ký khoa học		240	190
	Thư ký hành chính		240	190
	Đại biểu được mời tham dự		160	130
4.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	450
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	640

2. Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ KH&CN của Bộ KH&CN (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 16. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác)

Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 17. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ KH&CN (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN quy định tại số thứ tự 4 khoản 1 Điều 15 Quy định này.

Điều 18. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình KH&CN (nếu có)

Thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại Điều 10 Quy định này.

Điều 19. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 20. Lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành.

Các nội dung liên quan đến công tác lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, Phân bổ dự toán, quản lý sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN và quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 9 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi nhiệm vụ được quyết toán, thanh lý hợp đồng.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở KH&CN để tổng hợp và thống nhất với Sở Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.